TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 29 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 361 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1109/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Nguyễn Trung N, sinh năm: 1995; địa chỉ: 2 đường N, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Và chị Đào Thị Thu T, sinh năm: 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 679/10 đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 38/47 đường A, tổ D, ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T chung sống với nhau từ năm 2018 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2019 ngày 28 tháng 02 năm 2019 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau; bên cạnh đó chị T còn mâu thuẫn với bên gia đình nhà chồng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020, anh N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình sinh sống và kể từ thời điểm đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay cả hai đều xác định mâu thuẫn đã trầm

trọng, khả năng hàn gắn không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị T đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T có 01 người con chung Nguyễn Nhã K, sinh ngày: 08/3/2019. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Thời điểm hiện tại cháu N1 K chưa đủ 07 tuổi nên không đặt vấn đề xem xét nguyện vọng của cháu.Nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là để nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên nhưng chị T chưa yêu cầu. Xét thấy, việc chị T chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong việc dân sự này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu anh N có đủ căn cứ cho rằng chị T không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T xác định không có tài sản chung.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T thỏa thuận giao con chung Nguyễn Nhã K1, sinh ngày: 08/3/2019 cho chị Đào Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T tạm thời chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T xác định không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T xác nhận không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, cụ thể anh Nguyễn Trung N và chị Đào Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồnganh N và chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2023/0024366 ngày 20 tháng 12 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Anh N và chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- UBND xã Đ, huyện H,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Đặng Xuân Chính